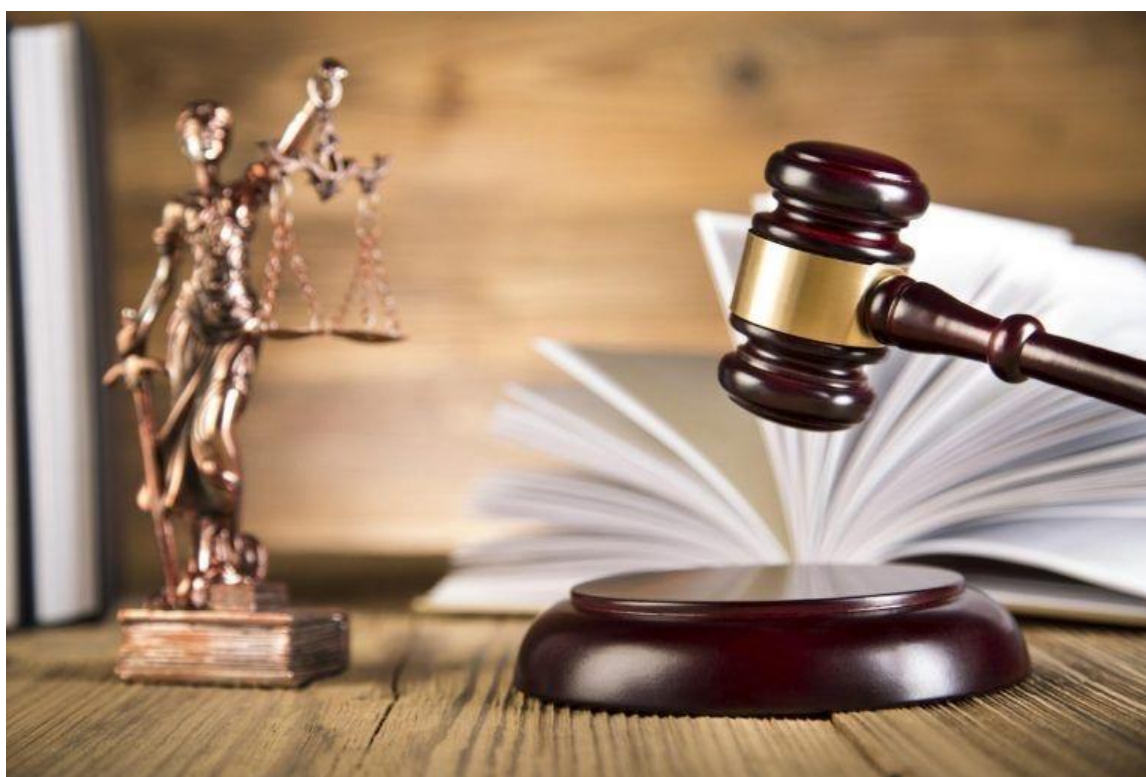


# NHÌN LẠI NỀN TƯ PHÁP VIỆT NAM TỪ QUỐC GIA ĐẾN CỘNG HÒA

TP Ngô Bút

Thi hành thỏa ước Vincent Auriol - Bảo Đại ngày 8 tháng 3 năm 1949 về chủ quyền quốc gia Việt Nam, một số văn kiện lập pháp và lập quy được Quốc trưởng Bảo Đại ban hành về nền tư pháp quốc gia Việt Nam là Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 và Dự số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954. Giai đoạn này kéo dài từ năm 1949 đến năm 1955 dưới chế độ Quốc Gia và từ năm 1955 đến năm 1975 dưới chế độ Cộng Hòa.



## I. Tổ chức:

Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ chức tư pháp quốc gia quy định toàn quốc có ba Tòa Thượng thẩm ở Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Trong mỗi quản hạt của Tòa Thượng thẩm có các Tòa Sơ thẩm, Tòa Hòa giải Rộng quyền và Tòa Hòa giải. Thẩm quyền quản hạt của mỗi tòa án là thẩm

quyền lãnh thổ về hành chính của mỗi phần và mỗi tỉnh. Riêng quản hạt Tòa Thượng thẩm Sài Gòn bao gồm thêm tòa án Đà Lạt và tòa án Ban Mê Thuột ở Trung phần. Cao cấp nhất là Tòa Phá án để tái xét các bản án của các Tòa Thượng thẩm theo một thủ tục đặc biệt. Sau hiệp định Genève 1954, miền Nam chỉ còn hai Tòa Thượng thẩm là Sài Gòn và

Huế và sau năm 1968 thì Tòa Phá án bị giải thể do việc thành lập Tối Cao Pháp Viện Việt Nam Cộng Hòa.

Bên cạnh hệ thống tòa án chính thức còn có những tòa án đặc biệt như Tòa án Thiểu nhi, Tòa án Lao động, Tòa án Điền địa được thiết lập ở một số tỉnh. Tại Sài Gòn có Tòa án Hành chánh để xét xử các khiếu nại của công dân đối với chính quyền. Cấp trên của tòa này là Tham chính viện. Các Thẩm phán phụ trách loại tranh tụng này được gọi là Thẩm phán Hành chánh. Ngoài ra, do nhu cầu đặc biệt nên đã có một vài tòa án được lập ra để hoạt động trong một thời gian. Sau năm 1968 tòa án còn có những phiên xử "lưu động" bằng việc xét xử ngoài trụ sở chính thức để đem lại công lý gần dân hơn.

Từ ngày thành lập vào năm 1949, các tòa án và Thẩm phán cùng nhân viên các cấp được đặt dưới sự quản lý của Bộ Tư pháp do Bộ trưởng hay Tổng trưởng trách nhiệm và thuộc quyền hành pháp do Quốc trưởng rồi sau năm 1955 do Tổng thống lãnh đạo. Theo tinh thần của Hiến pháp năm 1967 nên năm 1968 Tối Cao Pháp Viện được thành lập có trụ sở là Dinh Gia Long tại thủ đô Sài Gòn. Đây là cơ quan cao nhất của ngành tư pháp theo nguyên tắc "tam quyền phân lập".

Bên cạnh Tối Cao Pháp Viện còn có Hội đồng Thẩm phán cũng là một cơ quan hiến định được thành lập vào năm 1969 do Hiến pháp 1967. Hội đồng này gồm có 8 hội viên do các Thẩm phán các Tòa Sơ thẩm và

Thượng thẩm bầu lên có nhiệm kỳ hai năm. Hội đồng Thẩm phán tư vấn cho Tối Cao Pháp Viện trong một số vấn đề mà trong đó có việc thăng thưởng hàng năm, việc điều tra và thi hành kỷ luật đối với các Thẩm phán, v.v..

Ngoài các tổ chức trên đây thì nền tư pháp VN tại thủ đô Sài Gòn còn có sự góp mặt của Trung tâm Luật pháp Việt Nam. Đây là một tổ chức gồm có các hội viên là các Thẩm phán, Giáo sư Luật khoa, Luật sư ưu tú và rất có lòng.

## II. Nhân sự:

Dự số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ấn định quy chế riêng của ngạch Thẩm phán Hòa giải và Thẩm phán các Tòa Sơ thẩm và Thượng thẩm. Các Thẩm phán trực thuộc sự quản lý của Bộ Tư pháp nhưng việc tuyển dụng, bổ nhiệm cũng như thăng thưởng hàng năm đều do Sắc lệnh của Quốc trưởng và sau đó là của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa. Do việc thành lập Tối Cao Pháp Viện vào năm 1968 nên Bộ Tư pháp chỉ còn điều hành các Thẩm phán Công tố và một số nhân viên. Toàn bộ trách nhiệm trước đây về nhân sự cũng như quản lý các trụ sở tòa án, kho tàng vật, v.v.. đều chuyển giao cho Tối Cao Pháp Viện.

Cơ quan hiến định này gồm 9 Thẩm phán có nhiệm kỳ 6 năm và họp thành Đại Hội đồng Tối Cao Pháp Viện. Mỗi năm Đại Hội đồng bầu cử một Chủ tịch và một số Thẩm phán đặc trách điều hành công vụ. Ngoài những nhiệm vụ hiến định liên quan

đến hành pháp, lập pháp và xét xử các tranh chấp giữa các cơ quan công quyền cũng như các tổ chức quần chúng thì Tối Cao Pháp Viện đặc trách việc điều hành toàn thể Thẩm phán Xử án và nhân viên, quản trị các bất động sản của pháp đình, các kho tàng vật, v.v.. mà trước kia do Bộ Tư pháp quản lý. Đặc biệt là Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện thay mặt Đại Hội đồng ký Sắc lệnh thành lập các tòa án, tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng thưởng các Thẩm phán Xử án và nhất là ban thường huy chương mà trước đây thuộc thẩm quyền của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa.



Về Thẩm phán thì việc tuyển dụng, ứng viên phải tốt nghiệp Luật khoa Cử nhân. Thời gian hai năm tập sự được gọi là Tùy viên Công tố viện mà sau năm 1968 thì phía Xử án gọi

là Thẩm phán Tập sự. Khi còn Bộ Tư pháp điều hành thì suốt thời gian công vụ, một Thẩm phán có thể được chuyển để lần lượt giữ nhiều nhiệm vụ khác nhau giữa công tố, thẩm cứu hoặc xử án.

Thẩm phán gồm hai cấp là cấp Sơ thẩm và cấp Thượng thẩm. Trong mỗi cấp gồm nhiều bậc (còn gọi là nhiều trật). Một Thẩm phán trong thời gian công vụ, ngoài khả năng nghề nghiệp và có đạo đức chức nghiệp thì cứ 2 năm được thăng một trật. Suốt 15 năm công vụ ở cấp Sơ thẩm với các điều kiện cá nhân nêu trên, các Thẩm phán Sơ thẩm được chuyển cấp (còn gọi là chuyển ngạch) lên Thẩm phán các Tòa Thượng thẩm với trật Hội thẩm có chỉ số lương 940. So với công chức thì Thẩm phán có tuổi về hưu trẻ nhất và chỉ số lương tốt cùng cũng cao nhất với chỉ số 1,200. Những Thẩm phán trước khi được tuyển dụng là quân nhân thì được dùng thâm niên quân đội để dự thăng.

Tòa Thượng thẩm có nhiệm vụ xét lại các bản án của các Tòa Sơ thẩm hay Hòa giải Rộng quyền bị kháng cáo và kháng án. Về công tố có Công tố viện phụ trách việc buộc tội gồm có Chương lý, một hay nhiều Phó Chương lý và một hay nhiều Thẩm lý. Chương lý điều hành Viện Chương lý và kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Sở Tư pháp có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhân viên và tài sản của cơ quan. Về xét xử có Chánh nhất, một hay nhiều Chánh án phòng và nhiều Hội thẩm. Bên cạnh hai cơ chế trên còn có Phòng Luận tội phụ

trách công việc xem lại các bản án hình sự bị kháng cáo và kháng án trước khi đăng đường tái xét.

Tòa Sơ thẩm phụ trách công việc tư pháp cho một tỉnh gồm ít nhất ba Thẩm phán phụ trách ba công việc riêng biệt. Chánh án, Chánh án Dự khuyết và các Thẩm phán có nhiệm vụ xét xử. Biện lý và Phó Biện lý phụ trách việc truy tố và buộc tội. Cấp thấp nhất là các Tùy viên Công tố viện. Biện lý điều hành Biện lý cuộc gồm có việc quản trị nhân viên và tài sản cũng như kho tàng vật của tòa án. Dự thẩm giữ nhiệm vụ thẩm cứu các vụ án hình sự trước khi đăng đường xét xử. Trong thực tế, suốt hai mươi năm từ ngày thành lập nền tư pháp vì thiếu Thẩm phán nên nhiều tỉnh chỉ có Tòa Hòa giải Rộng quyền. Tại Tòa này, một mình Chánh án đảm trách cả ba nhiệm vụ là truy tố, thẩm cứu và xét xử.

Sau năm 1968, các Chánh Nhất và Chánh án địa phương ngoài nhiệm vụ xét xử còn phải đảm trách việc điều hành Thẩm phán và nhân viên cùng quản lý trụ sở của tòa án, kho tàng vật, v.v.. mà trước đây do Công tố đảm trách.

Tòa Hòa giải có nhiệm vụ xét xử những vụ hộ có ngạch số thấp và các vụ vi cảnh. Toàn miền Nam chỉ có hai Tòa Hòa giải: một ở Sài Gòn và một ở Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam ở Trung phần do Thẩm phán Hòa giải phụ trách. Riêng miền Trung thì các Quận trưởng đương nhiên kiêm nhiệm chức vụ Thẩm phán Hòa giải

sau khi đã tuyên thệ ở Tòa Sơ thẩm hay Tòa Hòa giải rộng quyền ở tỉnh.

Tại tòa án, ngoài Thẩm phán còn có các nhân viên gồm Lục sự và Thư ký Tòa án. Cũng như các Thẩm phán, các nhân viên này cũng có quy chế riêng và không giống với quy chế chung của công chức. Ngoài ra có thư ký và thư ký đánh máy theo quy chế chung của công chức. Cấp bậc cao nhất trong các nhân viên là Chánh lục sự có trách nhiệm toàn bộ trong việc điều động nhân viên và chịu trách nhiệm trước Chương lý ở Tòa Thượng thẩm hoặc Biện lý ở Tòa Sơ thẩm. Sau năm 1968 thì Chánh Lục sự chịu trách nhiệm trước Chánh Nhất ở Tòa Thượng thẩm và Chánh án ở Tòa Sơ thẩm. Nếu công vụ cần thiết thì có thêm nhân viên biệt phái của Ty Cảnh sát.

### III. Xét xử và luật pháp áp dụng:

Tổ chức tư pháp Việt Nam dựa trên nguyên tắc “lưỡng cấp tài phán” nghĩa là mỗi việc được xét xử ở hai cấp. Do đó, các bản án ở Tòa Sơ thẩm khi bị kháng cáo hoặc kháng án sẽ được tái xét ở Tòa Thượng thẩm.

Tòa Thượng thẩm có nhiệm vụ tái xét các vụ án của các Tòa Sơ thẩm do sự kháng cáo hoặc kháng án của các nguyên đơn và bị đơn về hộ sự và dân sự nguyên cáo và bị cáo về hình sự. Bên cạnh đó, Công tố viện do Biện lý cuộc đại diện cũng có quyền kháng cáo các vụ hình sự và được gọi là “Kháng cáo tối thiểu”.

Các Thẩm phán Tòa Thượng thẩm mặc phẩm phục màu đen khi xét xử hoặc làm nhiệm vụ công tố các vụ kháng cáo việc hộ và việc tiểu hình và phẩm phục màu đỏ khi xét xử hay công tố trong các phiên kháng cáo đại hình. Mỗi phiên tòa ở Tòa Thượng thẩm gồm có ba vị là một Chánh thẩm và hai Phụ thẩm. Chánh thẩm là Chánh Nhất hoặc Chánh án phòng. Phụ thẩm là các Hội thẩm. Trong trường hợp cần thiết thì Chánh Nhất ký Định lệnh cử các Chánh án có thâm niên đảm nhận công việc của Phụ thẩm. Lục sự tại phiên tòa mặc phẩm phục màu đen.

Các Thẩm phán xét xử và công tố ở Tòa Sơ thẩm mặc phẩm phục màu đen trong các phiên xử. Tại phiên tòa hộ hay tiểu hình chỉ một mình Chánh án hay Chánh án dự khuyết chủ tọa. Trong phiên tòa đại hình cũng phẩm phục màu đen và có hai Phụ thẩm được chọn trong các thân hào nhân sĩ có học và có hạnh. Trước khi tuyên án công khai thì Chánh án và các Phụ thẩm phải rút vào phòng nghị án để nghị xử. Lục sự tại phiên tòa Sơ thẩm luôn luôn mặc phẩm phục màu đen.

Tòa Đại hình mở phiên xử ba tháng một lần và do Chánh Nhất Tòa Thượng thẩm ký Định lệnh. Sau năm 1974, Tòa Sơ thẩm không còn phụ trách việc xét xử đại hình mà được Tối Cao Pháp Viện ủy thác cho một số Tòa Đại hình được thành lập theo từng nhóm tỉnh gần nhau và không có trụ sở riêng mà mỗi phiên xử đều dùng phòng xử của một trong các tòa án sở tại. Các Tòa Đại hình cũng mở

phiên xử ba tháng một lần và cũng do Định lệnh của Chánh Nhất Tòa Thượng thẩm.



*Áo Chánh Thẩm và áo Hội Thẩm*

Thành phần xét xử của Tòa Đại hình gồm có Chánh thẩm, Chánh thẩm Dự khuyết và 2 Phụ thẩm Thẩm phán. Chánh thẩm và Chánh thẩm Dự khuyết được chọn trong số các Hội thẩm của Tòa Thượng thẩm hoặc Chánh án có thâm niên và chia nhau chủ tọa các phiên xử. Phụ thẩm Thẩm phán là Chánh án các tòa Sơ thẩm trong quản hạt. Các Thẩm phán trên đây được Chánh Nhất Tòa Thượng thẩm bổ nhiệm bằng Định lệnh từng ba tháng một lần. Định

lệnh này được ông Chánh Nhất ký cùng thời gian với Định lệnh mở phiên tòa đại hình cho từng tam các nguyệt. Phẩm phục trong các phiên tòa đại hình của Chánh thẩm và Chánh thẩm dự khuyết là áo đỏ và các Thẩm phán Phụ thẩm là áo đen.

Bên cạnh các Phụ thẩm Thẩm phán là các Phụ thẩm Nhân dân. Thủ tục đề cử Phụ thẩm Nhân dân qua nhiều giai đoạn rất phức tạp. Đại khái là mỗi đầu năm, Chánh án các Tòa Sơ thẩm trong quản hạt Tòa Đại hình sau khi tham khảo với Tòa Hành chánh và Hội đồng tỉnh hay Hội đồng thị xã sẽ chọn lọc và lập một Danh sách các công chức và thân hào nhân sĩ địa phương có học và không có tiền án để làm nhiệm vụ Phụ thẩm Nhân dân. Danh sách sau đó được gửi về cho Tòa Sơ thẩm được chọn mở phiên xử để Chánh án tòa này chọn lại và lập Danh sách chính thức.

Ngoài nhiệm vụ xét xử ở các Tòa án Dân sự, Thẩm phán Xử án có ngạch trật tối thiểu là Hội thẩm ở Tòa Thượng thẩm hoặc Chánh án Tòa Sơ thẩm quyền nhiếp chức vụ Hội thẩm còn kiêm nhiệm việc xét xử ở các Tòa án Quân sự với tư cách Chánh thẩm và Chánh thẩm Dự khuyết. Khi xét xử ở các Tòa án này, các Chánh thẩm mặc phẩm phục màu đỏ.

Về luật lệ áp dụng thì quản hạt thuộc hai Tòa Thượng thẩm Sài Gòn và Huế áp dụng luật lệ khác nhau. Các Tòa án thuộc quản hạt Tòa Thượng thẩm Huế áp dụng bộ Hoàng Việt Hình Luật và Trung Kỳ Pháp Viện Biên Chế về việc hình và bộ Hoàng

Việt Hộ Luật về việc hộ. Các Tòa án thuộc quản hạt Tòa Thượng thẩm Sài Gòn dùng Bộ Hình Luật Canh Cải để xét xử về hình sự và về dân sự thì dùng bộ luật Pháp quốc xem như “lý tính thành văn” để xét xử. Mãi đến năm 1974, toàn miền nam mới có năm bộ luật thống nhất gọi là Bộ Tân Luật Việt Nam gồm Hình luật, Hình sự Tố tụng, Dân luật, Thương luật và Dân sự và Thương sự Tố tụng do Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ban hành bằng “Luật Ủy quyền” của lưỡng viện Quốc hội.

\*\*\*

Bên cạnh các tổ chức tư pháp trực thuộc Tối Cao Pháp Viện và Bộ Tư pháp thì bốn Vùng Chiến thuật mỗi vùng đều có một Tòa án Quân sự Thường trực thường gọi là “Tòa án Quân sự” và một Tòa án Quân sự Mặt trận Vùng hay Quân khu thường được gọi vắn tắt là “Tòa án Quân sự Mặt trận”. Các Tòa này và các Sĩ quan Quân pháp cùng nhân viên được đặt dưới sự điều động của Nha Quân pháp trực thuộc Bộ Quốc phòng và do một Giám đốc quản lý.

Tòa án Quân sự xét xử quân nhân phạm pháp bằng Bộ Quân luật. Cấp chỉ huy là Ủy viên Chính phủ với tư cách Công tố viên. Dưới Ủy viên là các Phó Ủy viên với tư cách Công tố phụ trách việc truy tố hoặc buộc tội và Dự thẩm phụ trách việc thẩm cứu. Phiên xử do Chánh thẩm là Hội thẩm Tòa Thượng thẩm chủ tọa với 4 Phụ thẩm Quân nhân được chọn trong số các sĩ quan và hạ sĩ quan các quân binh chủng có trình độ và chưa hề bị

án tiết hay kỹ luật. Tùy thành phần bị can, các quân nhân được chọn làm Phụ thẩm phải có cấp bậc cao hơn và bằng cấp bậc với bị can.

Tòa án Quân sự Mặt trận được thành lập do tình hình chính trị và chiến sự và cũng do các Sĩ quan Quân pháp điều hành với cấp chỉ huy là Ủy viên Chính phủ và với sự phụ tá là các Phó Ủy viên phụ trách việc truy tố trực tiếp gọi là “trực tố” nên không có vai trò của Dự thẩm. Thời gian đầu thì phiên xử do Tư lệnh Vùng hoặc sĩ quan cao cấp của Bộ Tư lệnh Vùng hay Tư lệnh Sư đoàn thay mặt Tư lệnh Vùng chủ tọa. Về sau, theo một đạo luật do Lập pháp ban hành thì thành phần xét xử phải là các giới chức "chuyên nghiệp". Do đó, cũng như ở các Tòa án Quân sự thường trực, Chánh thẩm và Chánh thẩm Dự khuyết của Tòa án Quân sự Mặt trận là các Hội thẩm của Tòa Thượng thẩm do Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện bổ nhiệm bằng Sắc lệnh 6 tháng một lần. Bốn Phụ thẩm là các Sĩ quan Quân pháp với cấp bậc cao hay bằng bị can tùy theo vụ án. Tùy theo nhu cầu xét xử, các Sĩ quan Quân pháp cũng được bổ nhiệm vào chức vụ Chánh thẩm Dự khuyết để tạm thay thế Chánh thẩm khi cần. Bị can là các quân nhân phạm pháp với giới hạn một số ít tội phạm như “đào ngũ trước địch quân”, v.v.. Ngoài ra là xét xử các tội “Phá rối trị an”, “Phản nghịch” của tất cả mọi thành phần trong xã hội.

Tại các Tòa án Quân sự nếu bị can là tướng lãnh thì Chánh thẩm phiên xử phải là Chánh Nhất Tòa Thượng

thẩm chủ trì với Phụ thẩm là các tướng lãnh. Tòa án Quân sự Mặt trận còn tổ chức các phiên xử lưu động với danh xưng "lưu động khẩn cấp" với mục đích là giải quyết nhanh và tại chỗ để răn đe kẻ phạm pháp và ủy lạo gia đình nạn nhân.

Ngoài ra có một số cơ chế đã góp phần rất hữu hiệu vào việc điều hành nền tư pháp quốc gia.

Trước hết là giới Luật sư. Nhiệm vụ của Luật sư là biện hộ cho các Bị can hoặc thay mặt cho các Dân sự nguyên cáo trước các phiên tòa về hình sự, về hộ sự thì thay mặt cho các Nguyên đơn và Bị đơn. Về hình sự, tất cả các bị cáo đều phải có luật sư biện hộ và Luật sư Đoàn phải chỉ định luật sư miễn phí cho những bị can không có khả năng tài chánh để thuê luật sư riêng Miền Nam có 2 Luật sư đoàn bên cạnh 2 Tòa Thượng thẩm Sài Gòn và Huế. Mỗi Luật sư đoàn có một Ban Quản trị mà người đứng đầu là Thủ lãnh Luật sư đoàn. Đây là một tập thể tư nhân xuất thân các trường đại học Luật khoa với cấp bằng tối thiểu là Cử nhân và với thời gian tập sự là 3 năm ở một văn phòng Luật sư thực thụ. Trước tòa, các Luật sư mặc phẩm phục màu đen.

Bên cạnh đó có các Thừa phát lại. Giới chức này không cần tốt nghiệp đại học, có văn phòng riêng và hành nghề tự do. Đối với tòa án dân sự thì Thừa phát lại luôn luôn có mặt trong các phiên xử để làm nhiệm vụ thông báo trước quần chúng các giai đoạn của thủ tục xét xử. Những tỉnh không có Thừa phát lại thì nhiệm vụ này

được giao phó cho Ty Cảnh sát phụ trách.

Nhắc tới Cảnh sát, cần phải kể về sự đóng góp của Cảnh sát Tư Pháp trong việc chuyển hồ sơ và nghi can đến tòa án để Biện lý cuộc cứu xét trong việc truy tố hay xếp lại. Nhiệm vụ này trước kia còn do Hiến binh phụ trách cho đến khi cơ quan này bị giải thể vào giữa thập niên 60 của thế kỷ trước. Về các tòa án quân sự thì nhiệm vụ này được giao phó cho Quân cảnh Tư pháp.

Một nghiệp vụ khác là các Chương khế có nhiệm vụ công chứng các giấy tờ có liên hệ tới tư pháp.

\*\*\*

Có thể có nhiều đóng góp khác mà tầm hiểu biết của người viết bị giới hạn và vì thời gian phơi pha nên trí nhớ ngày càng mòn mỏi do tuổi tác nên không thể nào tránh khỏi sai sót. đành ngưng lại đây chút hồi ức về một trong các thể chế của miền Nam Việt Nam mà người viết được hân hạnh góp mặt cách đây 60 năm để phục vụ quốc gia dân tộc trong việc đem lại công lý và trật tự cho xã hội với tinh thần nhân đạo và lòng đạt dào yêu nước thương dân. Tiếc rằng, lý tưởng này không được như nguyện bởi biến cố ngày 30 tháng 4 năm 1975...

Ngày 30 tháng 4 năm 2020

Ngô Bút